

TOÁN**Ba điểm thẳng hàng****I. Mục tiêu:*****Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết ba điểm thẳng hàng.
- Sử dụng thước thẳng, kiểm tra ba đối tượng thẳng hàng.
- Nhận biết hình ảnh thẳng hàng trong cuộc sống.

***Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH, Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. Các hoạt động dạy học:

TL	Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
2'	A.KHỞ ĐỘNG : <ul style="list-style-type: none"> - HS bắt bài hát - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> - HS hát -HS lắng nghe
15'	B. BÀI HỌC THỰC HÀNH: Hoạt động1. .Giới thiệu ba điểm thẳng hàng <ul style="list-style-type: none"> -HD HS quan sát hình ảnh các bạn, nhận biết các bạn đứng ngay hàng (thẳng hàng). -HS quan sát hình ảnh ba điểm A, B, C, nhận biết ba điểm A, B, C cùng nằm trên một đường thẳng. - GV giới thiệu: <i>khi ba điểm cùng nằm trên một đường thẳng, ta nói ba điểm đó thẳng hàng.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> -HS quan sát - HS chỉ tay vào hình và nói: ba điểm A,B, C thẳng hàng.

	<p>Hoạt động 2: Thực hành</p> <p>Bài 1:</p> <p>-GV HD HS thực hành tính: -GV nhận xét</p>	<p>- HS Nêu yêu cầu bài tập - HS dựa vào mẫu, đọc các điểm thẳng hàng ở từng hình. HS nhận xét</p>
	<p>Bài 2:</p> <p>-HS nhóm đôi nhận biết yêu cầu của bài: kiểm tra, nói. -Phân tích mẫu. + Hình ảnh đặt thước thể hiện điều gì? (kiểm tra ba điểm xem có thẳng hàng không) + Đặt thước thế nào? (mép thước sát vào các điểm) + HS dựa vào hình ảnh đặt thước, thông báo ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng. -HS dùng thước thẳng kiểm tra rồi nói: -GV nhận xét, sửa chữa</p>	<p>-HS thực hiện -HS kiểm tra -HS nói: + Ba điểm B, C, D thẳng hàng. + Ba điểm I, K, S không thẳng hàng. + Ba điểm L, M, N thẳng hàng.</p>
<p>15' B. LUYỆN TẬP:</p>		
	<p>Bài 1 :</p> <p>- HS nhận biết yêu cầu của bài. - Xác định các điểm được đặt tên trong hình - GV giới thiệu: Ba điểm nằm trên một đoạn thẳng cũng gọi là ba điểm thẳng hàng. Khi sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích. Ví dụ: ba điểm A, I, c thẳng hàng vì cùng nằm trên đoạn thẳng AC. -Gv nhận xét</p>	<p>-HS Nêu yêu cầu bài tập - HS nhóm đôi thực hiện. -HS trình bày -HS nhận xét</p>
	<p>Bài 2:</p> <p>-Thảo luận cách thức GQVĐ + Xác định các nút áo cùng nằm trên một đường thẳng theo đường kẻ. Theo hàng, theo cột. + Dùng thước thẳng xác định các nút áo cùng nằm trên một đường thẳng khác. -Các nhóm trình bày (mỗi nhóm nêu một trường hợp), GV nên hướng dẫn HS nói theo trình tự: hàng, cột, đường chéo.</p>	<p>-HS Nêu yêu cầu bài tập -HS hoạt động nhóm bốn. -HS tìm hiểu nhiệm vụ và thực hiện</p>

	<p>-Các nhóm kiểm tra, nhận xét.</p> <p>Đất nước em</p> <p>GV giới thiệu vườn cây thanh long ở Bình Thuận.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cột trụ để cây bám vào, leo lên. • Chiếu sáng ban đêm giúp cây mau lớn. <p>HD Hs tìm vị trí tỉnh Bình Thuận trên bản đồ.</p> <p>-Các nhóm bổ sung, nhận xét, GV tổng kết.</p>	<p>-HS nhận xét</p> <p>-HS quan sát ảnh, nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các cột trụ cùng nằm trên một đường thẳng. + Các bóng đèn cùng nằm trên một đường thẳng <p>-Hs tìm vị trí tỉnh Bình Thuận trên bản đồ.</p>
3'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ:</p> <p>-Tìm hình ảnh ba điểm thẳng hàng trong cuộc sống</p> <p>-Nhận xét, tuyên dương</p>	<p>-HS thực hiện</p>

TOÁN

Em làm được những gì (Tiết 1)

I.Mục tiêu:

***Kiến thức, kĩ năng:**

- Thực hiện việc tính nhẩm qua 10 trong phạm vi 20.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng.
- Tính toán với các số đo độ dài đã học.
- Giải quyết vấn đề đơn giản có liên quan tới độ dài và thời gian.
- Vận dụng ba điểm thẳng hàng, giải quyết vấn đề đơn giản.

***Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, nhân ái

*Tích hợp: TN & XH, Toán học và cuộc sống

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 10 khối lập phương

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 10 khối lập phương

III. Các hoạt động dạy học:

TL	Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
3'	A.KHỞI ĐỘNG : -GV cho HS bắt bài hát -GV dẫn dắt vào bài học	- HS hát
20'	B.LUYỆN TẬP : <i>Hoạt động: Luyện tập</i> Bài 1: -Nêu yêu cầu bài tập Ôn tập cách cộng qua 10 trong phạm vi 20 -HD HS làm cho đủ chục rồi cộng số còn lại. Cụ thể: cộng với một số: 9 cộng 1 rồi cộng số còn lại. - Khi sửa bài, yêu cầu HS giải thích cách cộng đối với các phép cộng có số hạng tíu hai lớn hơn số hạng tíu nhất. - GV nhận xét, củng cố	-HS nêu yêu cầu bài tập -HS làm bài -HS nhận xét
	Bài 2: -Nêu yêu cầu bài tập -Khuyến khích HS tìm cách cộng thuận tiện. -Gv nhận xét	-HS thực hiện -HS chia sẻ
	Bài 3: -Yêu cầu đọc yêu cầu bài. - HDHS tìm hiểu mẫu, nhận biết số ở giữa, trong hình tròn màu đỏ, là tổng của ba số còn lại. - GV nhận xét, sửa chữa	- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS thực hiện -HS khác nhận xét, bổ sung.
12'	C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ -GV nhận xét, tuyên dương -Chuẩn bị bài sau	-HS trả lời, thực hiện

TOÁN

Em làm được những gì (Tiết 2)

I.Mục tiêu:

*Kiến thức, kĩ năng:

- Thực hiện việc tính nhẩm qua 10 trong phạm vi 20.

- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng.
- Tính toán với các số đo độ dài đã học.
- Giải quyết vấn đề đơn giản có liên quan tới độ dài và thời gian.
- Vận dụng ba điểm thẳng hàng, giải quyết vấn đề đơn giản.

***Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập, nhân ái

*Tích hợp: TN & XH, Toán học và cuộc sống

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 10 khối lập phương
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 10 khối lập phương

III. Các hoạt động dạy học:

TL	Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
3'	A.KHỞ ĐỘNG : -GV cho HS bắt bài hát	- HS hát
28'	B.LUYỆN TẬP :	
	Bài 4: - Nêu yêu cầu bài tập - HD HS thực hiện - GV nhận xét	-HS nêu yêu cầu bài tập: đo, tính -HS chia sẻ, nhận xét
	Bài 5: -Nêu yêu cầu bài tập -HD HS dựa vào các phép cộng qua 10 trong phạm vi 20 để thực hiện. Ví dụ: $7+2 + 5 = 14$ $5 + 6 = 11, 11 + ? = 14$ -Gv nhận xét	-HS thực hiện -HS dựa vào các phép cộng qua 10 trong phạm vi 20 để thực hiện. -HS chia sẻ, nhận xét

	<p>Bài 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đọc yêu cầu bài. - HS tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài. - HS nhận biết cách dựa vào hình nền (các sọc màu ngang, dọc) để thực hiện Gv nhận xét, sửa chữa - GV nhận xét, sửa chữa 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu bài tập. -HS thực hiện -HS khác nhận xét, bổ sung.
	<p>Bài 7:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nêu yêu cầu bài tập -GV yêu cầu HS đọc đề và suy nghĩ để viết phép tính (bảng con) và nói câu trả lời. -GV rút ra kết luận thông qua thao tác tách để tìm số gà mái 	<ul style="list-style-type: none"> -HS nêu yêu cầu -HS viết bảng con -Nhận xét
4'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV nhận xét, tuyên dương -Chuẩn bị bài sau: Thực hiện các yêu cầu trong SGK 	<ul style="list-style-type: none"> -HS, thực hiện

TOÁN

Phép trừ có hiệu bằng 10

I.Mục tiêu:

***Kiến thức, kĩ năng:**

- Hệ thống các phép trừ trong phạm vi 20, có hiệu là 10.
- Vận dụng để tính toán và giải toán.

***Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. Các hoạt động dạy học:

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
8'	<p>A.KHỞ ĐỘNG :</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV cho HS bắt bài hát -GV tổ chức trò chơi để từng cặp HS nói: <ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo thập phân của các số từ 11 đến 19. - Phép trừ có hiệu bằng 10. <p>Ví dụ: 14 gồm 10 và 4. $14 - 4 = 10.$</p> <p>-Ôn định , vào bài</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS hát -HS chơi
10'	B.BÀI HỌC	
	<p>Hoạt động: Hệ thống các phép trừ trong phạm vi 20 có hiệu bằng 10</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đếm số bánh ở phần bài học, nhận biết 16 gồm 10 và 6, nếu ăn 6 cái bánh thì còn lại 10 cái bánh. <p>Viết phép tính, phù hợp với tình huống: có 16 cái bánh, ăn hết 6 cái bánh, còn lại 10 cái bánh ($16 - 6 = 10$).</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thay nhau đọc hoàn chỉnh các phép tính trong phần bài học. - GV che một vài thành phần của phép tính trong bảng (số bị trừ, số trừ, hiệu), HS đọc lại phép tính hoàn chỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> -HS đếm số bánh, viết phép tính thích hợp: $16 - 6 = 10$ -HS đọc
13'	C.LUYỆN TẬP	
	<p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu bài - HS tìm hiểu bài, nhận biết nhiệm vụ. - Nhóm hai HS đọc các phép tính hoàn chỉnh. Đọc cho nhau nghe. Đọc cho cả lớp cùng nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu yêu cầu bài tập. -HS làm bài -HS khác nhận xét, bổ sung.

	<p>Bài 2:</p> <p>-Nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HD HS làm</p> <p>-GV nhận xét, Tìm hiểu bài.</p> <p>HS thực hiện ra bảng con, thứ tự thực hiện các phép tính từ trái sang phải.</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS làm bài</p> <p>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
	<p>Bài 3:</p> <p>-Nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HD HS làm</p> <p>- GV giúp các em nói ngắn gọn:</p> <p>-HD HS thực hiện (viết phép tính, nói câu trả lời).</p> <p>Nếu HS nào lúng túng, GV gợi ý để HS nghĩ tới: Tách hay gộp.</p> <p>-GV nhận xét bổ sung</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS trả lời;Có 18 cái, cho 8 cái. Hỏi còn lại bao nhiêu cái?</p> <p>-HS thực hiện phép tính</p> <p>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
5'	<p>D. Củng cố-Dặn dò</p> <p>- Trò chơi: HỎI NHANH - ĐÁP GỌN</p> <p>GV hỏi :</p> <p>+ Máy trừ 7 bằng 10?</p> <p>+ 19 trừ mấy bằng 10?</p> <p>+ 12 trừ 2 bằng mấy?</p> <p>.....</p> <p>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p>	<p>-HS chơi trò chơi</p> <p>-HS trả lời, thực hiện</p>

TOÁN

11 trừ đi một số

I.Mục tiêu:

**Kiến thức, kĩ năng:*

- Thực hiện được phép tính $11 - 5$.
- Khái quát hoá được cách tính 11 trừ đi một số.
- Vận dụng:
 - Thực hiện tính nhẩm 11 trừ đi một số (trừ qua 10 trong phạm vi 20).
 - Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính trừ để kiểm chứng cách tính 11 Trừ đi một số.
- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến tính toán và nhận biết hình.

***Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có). 20 khối lập phương
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV. 10 khối lập phương

III. Các hoạt động dạy học:

TL	Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
5'	A.KHỞ ĐỘNG : -GV cho HS bắt bài hát -GV tổ chức trò chơi để từng cặp HS nói: nhắc lại các phép trừ có hiệu bằng 10 trong phạm vi 20 và 10 trừ đi một số (Ví dụ: $10-4 = ?$). -Ôn định , vào bài	- HS hát -HS chơi
15'	B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH	
	1/Hoạt động1: Thực hiện phép tính 11 – 5 HD HS theo các bước: Bước 1: Tìm hiểu vấn đề. - HD HS đọc yêu cầu, quan sát hình ảnh, nhận biết được vấn đề cần giải quyết: $11- 5 = ?$ Bước 2: Lập kế hoạch. -HS thảo luận cách thức tính $11 - 5$, có thể dùng các công cụ hỗ trợ như các khối lập phương, ngón tay, hình vẽ, ...). Bước 3: Tiến hành kế hoạch	-HS đọc yêu cầu, quan sát hình ảnh, nhận biết được vấn đề cần giải quyết: -HS thảo luận

	<p>-Các nhóm thực hiện, viết phép tính ra bảng con, một vài nhóm trình bày ngắn gọn cách làm.</p> <p>Bước 4: Kiểm tra lại.</p> <p>-GV giúp HS kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kết quả. + Phép tính có phù hợp vấn đề cần giải quyết <p>$11 - 5 = ?$</p> <p>-GV tổng kết</p>	<p>-HS thực hiện phép tính</p> <p>-HS kiểm tra</p>
	<p>2/Hoạt động2: Giới thiệu 11 trừ đi một số</p> <p>-GV HD:</p> <p>+Thể hiện phép tính bằng trực quan.</p> <p>Có 11 khối lập phương, cần bớt 5 khối lập phương: Nếu ta bớt 1 khối lập phương, rồi lại bớt 4 khối lập phương nữa (tức là bớt 5 khối lập phương) thì sẽ chuyển được về các phép tính đã học.</p> <p style="text-align: center;">$11 - 1 = 10; 10 - 4 = 6$</p> <p>Trừ 1 để được 10 rồi trừ 4.</p> <p>-GV kết luận: <i>Trừ để được 10 rồi lấy 10 trừ số còn lại</i></p>	<p>-HS theo dõi</p> <p>-HS thực hiện trừ</p> <p>-HS nhắc lại nhiều lần</p>
<p>13' C.LUYỆN TẬP</p>		
	<p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu bài - HS tự tìm hiểu và thực hiện (bảng con). - Giúp HS nhận biết $11 - 1 - 3 = 11 - 4$. - GV nhận xét 	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS làm bài</p> <p>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
	<p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu yêu cầu bài tập - HD HS làm <p>Muốn lấy 11 trừ đi một số ta làm thế nào? (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).</p> <p>Trừ mấy để được 10? (trừ 1).</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS làm bài</p> <p>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p>

	-GV nhận xét,	
	<p>Bài 3:</p> <p>-Nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HD HS làm</p> <p>+ Có 5 chú ếch, mỗi chú maiiig một phép trừ (11 trừ đi một số).</p> <p>+ Mỗi chiếc lá có số thể hiện hiệu của các phép trừ trên.</p> <p>+ Êch phải nhảy vào lá thích hợp.</p> <p>-GV nhận xét bổ sung</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>--HS thực hiện phép tính</p> <p>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
2'	<p>D. Củng cố-DẶN DÒ</p> <p>? - Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20 (Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại).</p> <p>? - Cách tính 11 trừ đi một số (trừ 1 để được 10 rồi trừ số còn lại).</p> <p>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p>	<p>-HS trả lời, thực hiện</p>

TOÁN

NHIỀU HƠN HAY ÍT HƠN BAO NHIÊU (Tiết 1)

I. Mục tiêu:

***Kiến thức, kỹ năng:**

- Nhận biết nhiều hơn, ít hơn.
- Vận dụng GQVĐ liên quan:
- Tìm xem hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị.

***Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 20 khối lập phương
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 10 khối lập phương

III. Các hoạt động dạy học:

TL	Hoạt động của giáo viên.	Hoạt động của học sinh.
8'	A.KHỞI ĐỘNG : - GV cho HS bắt bài hát - Vào bài mới	- HS hát - HS lắng nghe
10'	B.BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH: Hoạt động 1. Giới thiệu nhiều hơn, ít hơn - Hd HS sử dụng ĐDDH thể hiện số kẹo của bạn trai, bạn gái. Nhận biết số lớn, số bé, phần chênh lệch. - HS quan sát hình ảnh mô hình kẹo của hai bạn, nhận biết -GV dùng ĐDDH khái quát quan hệ nhiều hơn, ít hơn: • Số kẹo bạn trai là số bé (6). • Số kẹo bạn gái là số lớn (9).	-HS thực hiện -HS quan sát nhận biết +Bạn trai có ít hơn bạn gái 3 cái kẹo. +Bạn gái có nhiều hơn bạn trai 3 cái kẹo

	<ul style="list-style-type: none"> Số kẹo bạn gái nhiều hơn bạn trai cũng chính là số kẹo bạn trai ít hơn bạn gái (phần chênh lệch). Nếu không có đồ dùng thay thế số kẹo, ta sẽ làm phép tính như thế nào để biết nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu? HS viết ra bảng con: $9 - 6 = 3$ (tìm phần chênh lệch). GV chỉ vào từng thành phần của phép tính trên để HS nói: Bạn gái có nhiều hơn bạn trai 3 cái kẹo. Bạn trai có ít hơn bạn gái 3 cái kẹo. 	<p>-HS quan sát</p> <p>-HS viết ở bảng con</p> <p>-Nhận xét</p>
15'	<p>Hoạt động 2:Thực hành</p> <p>Bài 1: HS sử dụng ĐDHT, mỗi nhóm lấy số khối lập phương</p> <p>Bài 2: GV hd, HS nhận biết các việc cần làm</p> <ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh. Nêu số lớn, số bé và số chỉ phần chênh lệch. Thực hiện phép tính để tìm phần chênh lệch. Dùng các từ nhiều hơn, ít hơn để kết luận. <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung. GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS thực hiện</p> <p>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
3'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</p> <p>- Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p>	<p>-HS trả lời, thực hiện</p>

TOÁN

NHIỀU HƠN HAY ÍT HƠN BAO NHIÊU (Tiết 2)

I.Mục tiêu:

***Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết nhiều hơn, ít hơn.
- Vận dụng GQVĐ liên quan:
- Tìm xem hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị.

***Năng lực, phẩm chất:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có); 20 khối lập phương

- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV; 10 khối lập phương

III. Các hoạt động dạy học:

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
3'	A.KHỞI ĐỘNG : -GV cho HS bắt bài hát -Ôn định , vào bài	- HS hát
20'	B.LUYỆN TẬP : Hoạt động: Luyện tập *Bài 1: -Nêu yêu cầu bài tập - HS nhóm đôi nhận biết đây là bài toán tìm phần chênh lệch. (GV có thể sử dụng phương pháp mảnh ghép để tổ chức cho HS luyện tập câu a và câu b.) -GV có thể khuyến khích nhiều nhóm HS nói. Mở rộng: cách nói về tuổi, có thể dùng từ “lớn hơn... tuổi” hoặc “nhỏ / bé hơn ... tuổi”. - GV nhận xét, củng cố	-HS nêu yêu cầu bài tập -HS làm việc theo nhóm -HS trả lời
	Bài 2: -HS thảo luận, nhận biết các nhiệm vụ cần làm: cách phổ biến nhất là đo từng băng giấy rồi làm tính trừ ($10\text{ cm} - 6\text{ cm} = 4\text{ cm}$). -Khi các nhóm trình bày, GV giúp đỡ các em giải thích từng bước làm. -Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu chính là bài toán tìm phần chênh lệch. -GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”. Ví dụ: - GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kẹo. HS nhóm đôi: viết phép tính trừ vào bảng con,	- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS thực hiện -HS khác nhận xét, bổ sung.

	<p>nhóm nào viết xong trước nhất thì chạy lên trước lớp đứng, giơ bảng cho cả lớp xem và nói:</p> <p>HS 1. Bánh nhiều hơn kẹo 7 cái.</p> <p>HS 2: Kẹo ít hơn bánh 7 cái</p>	
12'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ</p> <p>- GV: Nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu chính là bài toán tìm phần chênh lệch.</p> <p>- GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh hơn”.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kẹo.</p> <p>HS nhóm đôi: viết phép tính trừ vào bảng con, nhóm nào viết xong trước nhất thì chạy lên trước lớp đứng, giơ bảng cho cả lớp xem và nói:</p> <p>HS 1. Bánh nhiều hơn kẹo 7 cái.</p> <p>-GV nhận xét, tuyên dương</p>	<p>-HS chơi trò chơi</p> <p>-HS trả lời, thực hiện</p>

TOÁN

Em làm được những gì? (Tiết 1)

I.Mục tiêu:

**Kiến thức, kĩ năng:*

- Ôn tập: tên gọi các thành phần của phép tính cộng và phép tính trừ.
- Củng cố ý nghĩa của phép cộng, phép trừ: Dựa vào hình ảnh, nói được tình huống dẫn đến phép cộng, phép trừ.
- Sử dụng sơ đồ tách - gộp số để nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+, -).
- Hệ thống hoá các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán.

**Năng lực, phẩm chất:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.
- Tư duy lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.
- Phẩm chất: Chăm chỉ học tập

*Tích hợp: Toán học và cuộc sống; TN & XH

III. Chuẩn bị:

- GV: Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập; Máy tính, máy chiếu (nếu có).
- HS: SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. Các hoạt động dạy học:

<i>TL</i>	<i>Hoạt động của giáo viên.</i>	<i>Hoạt động của học sinh.</i>
8'	<p>A.KHỞI ĐỘNG :</p> <p>-Trò chơi: ĐÓ BẠN</p> <p>+GV: Tám mươi bảy gồm mấy chục và mấy đơn vị?</p> <p>+Cả lớp: 87 gồm 8 chục và 7 đơn vị hay 80 và 7.</p> <p>+GV: Gộp 80 và 7 được số nào?</p> <p>+Cả lớp: Gộp 80 và 7 được 87.</p> <p>-Sau đó HS chơi theo nhóm đôi hoặc chơi theo đội.</p> <p>-GV vào bài</p>	-HS chơi
22'	<p>B.LUYỆN TẬP :</p> <p><i>Hoạt động: Luyện tập</i></p> <p>Bài 1:</p> <p>-Nhóm hai HS tìm hiểu bài, nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> • Yêu cầu của bài: số?. • Tìm quy luật dãy số (câu a: thêm 1; câu b: thêm 2; câu c: thêm 10). <p>- Khi sửa bài, khuyến khích HS giải thích tại sao điền như vậy.</p> <p>Ví dụ:</p> <ol style="list-style-type: none"> Em đếm thêm 1. Em đếm thêm 2. Em đếm thêm 10. <p>- GV nhận xét, củng cố</p>	<p>-HS nêu yêu cầu bài tập</p> <p>-HS làm ở bảng con</p> <p>-HS trả lời</p>
'	<p>Bài 2:</p> <p>- HS nhóm đôi tìm hiểu mẫu, nhận biết yêu cầu rồi thực hiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phân tích cấu tạo số: 73 gồm 70 và 3. • Viết bốn phép tính với ba số: 73; 70 và 3. <p>- Sửa bài, khuyến khích HS phân tích cấu tạo số.</p> <p>Mở rộng: Với ba số mà ta có thể viết thành phép cộng hay phép trừ, người ta gọi đó là các số gia đình</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>-HS trả lời</p>

	<p>-HS nêu -G nhận xét</p>	<p>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
	<p>Bài 3: -Nêu yêu cầu bài tập -HD HS thực hiện $34 + 52 = 86$ 34 là số hạng 52 là số hạng 86 là tổng -HS nhóm đôi che từng số trong sơ đồ tách- gộp rồi đọc phép tính để tìm số bị chia. -HS thay ? bằng phép tính thích hợp -GV nhận xét ,bổ sung</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS làm bài -HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
	<p>Bài 4: - HS tìm hiểu bài, nhận biết: đặt tính rồi tính - HS thực hiện (bảng con). - Sửa bài. • HS làm tiên bảng lớp (Mỗi HS làm một phép tính). * Lưu ý HS đặt đúng phép tính $8 + 41$ -GV nhận xét ,bổ sung</p>	<p>- HS nêu yêu cầu bài tập. -HS làm bài -HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
5'	<p>C.CỦNG CỐ-DẶN DÒ - Nhận xét bài học tiết học, chuẩn bị bài sau.</p>	<p>-HS trả lời, thực hiện</p>

